

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 5376/TTr-SKHCN ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định quy định phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc, phương thức, trách nhiệm và cơ chế tổ chức thực hiện quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu số, dữ liệu thời gian thực, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng; xây dựng, vận hành và khai thác các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành Thành phố; UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc tạo lập, cung cấp, kết nối và khai thác dữ liệu số của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quản trị dựa trên dữ liệu: Là phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành và ra quyết định dựa trên việc thu thập, kết nối, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu số nhằm cung cấp bằng chứng, thông tin, tri thức phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.
2. Dữ liệu số: Là dữ liệu được biểu diễn dưới dạng số, được tạo lập, thu thập, lưu trữ, trao đổi và xử lý bằng phương tiện điện tử.
3. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: Là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ để tạo giá trị gia tăng, góp phần xây dựng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho Thành phố (trong quy định này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của cơ quan nhà nước).
4. Dữ liệu thời gian thực: Là dữ liệu được thu thập, truyền nhận, xử lý và cập nhật gần như ngay lập tức sau khi phát sinh, phục vụ giám sát, cảnh báo và điều hành kịp thời.
5. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố: Là nền tảng dữ liệu tập trung của Thành phố, thực hiện chức năng tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý, chia sẻ và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành, giám sát, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ công.

6. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP): Là nền tảng kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương và các hệ thống có liên quan theo quy định.

7. Dữ liệu của Thành phố: Bao gồm dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, dữ liệu chuyên ngành của các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và dữ liệu do UBND các xã, phường xây dựng, tạo lập.

8. Dữ liệu dùng chung Thành phố: Là dữ liệu được các cơ quan, đơn vị chia sẻ, khai thác sử dụng nhiều lần phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

9. Cổng dữ liệu Thành phố: Là điểm đầu mối truy cập thông tin, dữ liệu trên mạng Internet phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu được công bố bởi các cơ quan nhà nước.

10. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố (IOC): Là nền tảng điều hành số tập trung của Thành phố, khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và Kho dữ liệu dùng chung Thành phố để phục vụ giám sát, phân tích, cảnh báo, đánh giá và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành.

11. Bản sao số đô thị (Digital Twin): Là mô hình số phản ánh trạng thái, hoạt động và sự thay đổi của các đối tượng, hệ thống hoặc đô thị trong môi trường số trên cơ sở tích hợp dữ liệu thực tế, dữ liệu không gian và dữ liệu thời gian thực nhằm phục vụ mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

12. Đơn vị sử dụng dữ liệu: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép kết nối, tiếp nhận, khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ theo đúng mục đích, phạm vi, phương thức và điều kiện được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

13. Cơ quan chủ quản dữ liệu: Là cơ quan, đơn vị được giao quản lý trực tiếp cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin chứa dữ liệu; có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo vệ, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

14. Cơ quan tạo lập dữ liệu: Là cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thu thập, phát sinh thông tin hoặc số hóa để hình thành nên dữ liệu.

15. Hệ điều hành quản trị số thành phố Hà Nội: Là hệ thống số dùng chung, tích hợp dữ liệu, nền tảng số và công cụ phân tích phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và quản trị đô thị trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải phù hợp với Khung Kiến trúc số thành phố Hà Nội.

2. Trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố ưu tiên khai thác, sử dụng dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số của Thành phố là nguồn thông tin quan trọng để hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý, điều hành; hạn chế tối đa việc sử dụng số liệu tổng hợp thủ công hoặc báo cáo ngoài hệ thống.

3. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu Thành phố, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố, nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung, hệ thống quản trị nhiệm vụ, Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và các nền tảng số của Thành phố là các nền tảng quản trị số thống nhất, phục vụ công tác điều hành, giám sát, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định của các cấp chính quyền.

4. Dữ liệu phát sinh trong hoạt động của cơ quan nhà nước là tài sản công, được quản lý, chia sẻ, khai thác theo thẩm quyền, mục đích, điều kiện và quy định của pháp luật, không được phép giữ, sở hữu riêng của ngành, lĩnh vực.

5. Dữ liệu số phải được quản lý trong toàn bộ vòng đời, từ tạo lập, thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, khai thác, chia sẻ, lưu trữ đến hủy bỏ theo quy định pháp luật; bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền, an toàn, hiệu quả và có khả năng truy vết trong quá trình quản lý, khai thác.

6. Không chia sẻ, khai thác, giao dịch, thử nghiệm, thương mại hóa hoặc đánh giá để xác định giá trị quyền khai thác đối với dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; dữ liệu cá nhân chưa đáp ứng điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật; bí mật kinh doanh; dữ liệu hạn chế tiếp cận; dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; dữ liệu mà pháp luật không cho phép. Giới hạn này áp dụng thống nhất cho mọi cơ chế quản trị, khai thác, chia sẻ, giao dịch và thử nghiệm dữ liệu quy định tại Quyết định này.

7. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bao gồm tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn, thống nhất, chuẩn hóa, cập nhật, sẵn sàng, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác liên thông (gọi chung là bảo đảm chất lượng dữ liệu).

8. Cơ quan tạo lập dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm chất lượng dữ liệu được tạo lập, bao gồm tính chính xác, đầy đủ, liên tục, thống nhất.

9. Mọi hoạt động quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, thử nghiệm dữ liệu và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo theo Quyết định này phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Giá trị pháp lý của dữ liệu số trong quản lý

1. Dữ liệu số được tạo lập, quản lý, chia sẻ và khai thác theo quy định của pháp luật là nguồn thông tin chính thức phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá và hoạch định chính sách trên địa bàn Thành phố.

2. Cơ quan tạo lập dữ liệu chịu trách nhiệm pháp lý đối với dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật và chia sẻ.

3. Dữ liệu được chia sẻ, khai thác thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố, Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố có giá trị sử dụng trong hoạt động quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo quản trị, hệ thống chỉ số điều hành, cảnh báo, kết quả phân tích, dự báo và các thông tin phục vụ ra quyết định được hình thành từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố và các nền tảng số của Thành phố là nguồn thông tin tham chiếu chính thức phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

5. Các cơ quan nhà nước ưu tiên khai thác, sử dụng dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Việc sử dụng dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước phải bảo đảm khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy vết nguồn gốc dữ liệu, bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

7. Cơ quan nhà nước được sử dụng dữ liệu số được chia sẻ, khai thác thông qua hệ thống của Thành phố để đối chiếu, xác thực, tái sử dụng thông tin phục vụ hoạt động quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Không thực hiện hoặc cố ý cản trở việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố và các nền tảng số của Thành phố theo quy định.

2. Tự ý thiết lập, duy trì các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc kho dữ liệu riêng biệt không bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, đồng bộ với hệ thống dùng chung của Thành phố, dẫn đến phân tán, trùng lặp hoặc cát cứ dữ liệu.

3. Từ chối khai thác hoặc yêu cầu cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu nhà nước, Kho dữ liệu dùng chung Thành phố hoặc đã được chia sẻ hợp pháp thông qua các nền tảng số của Thành phố, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Cung cấp, cập nhật, chia sẻ dữ liệu không chính xác, không đầy đủ, không kịp thời hoặc cố ý làm sai lệch dữ liệu, chỉ số, báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành.

5. Can thiệp trái phép, làm sai lệch, che giấu hoặc hủy hoại dữ liệu, kết quả phân tích, cảnh báo, báo cáo quản trị hoặc thông tin điều hành trên các nền tảng số của Thành phố.

6. Khai thác, sử dụng dữ liệu trái thẩm quyền, sai mục đích hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

7. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

8. Vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền đối với dữ liệu, phần mềm, mô hình, thuật toán, tài liệu kỹ thuật hoặc sản phẩm số trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

9. Cản trở việc ứng dụng dữ liệu số, dữ liệu thời gian thực, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của Thành phố.

10. Lợi dụng việc quản lý, khai thác hoặc chia sẻ dữ liệu để trục lợi, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

11. Thực hiện các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về dữ liệu, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

12. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều này trong phạm vi quản lý chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân Thành phố. Kết quả xử lý vi phạm là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cơ quan, đơn vị trong năm. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN TRỊ TIỀN TIẾN DỰA TRÊN DỮ LIỆU SỐ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Điều 7. Phương thức quản trị dựa trên dữ liệu và nền tảng số

1. Thành phố thực hiện phương thức quản trị và điều hành dựa trên dữ liệu nhằm chuyển đổi từ mô hình quản lý dựa trên hồ sơ, báo cáo thủ công sang mô hình quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu số, dữ liệu thời gian thực, phân tích dữ liệu và các nền tảng số.

2. Dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước được thu thập từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin nghiệp vụ, hệ thống cảm biến, camera, thiết bị kết nối vạn vật và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

3. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố và được tập trung, chuẩn hóa, quản lý tại Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

4. Kho dữ liệu dùng chung là nền tảng dữ liệu tập trung của Thành phố, có chức năng tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý, phân tích và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, Bản sao số đô thị, các nền tảng phân tích dữ liệu và hệ thống trí tuệ nhân tạo khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu thời gian thực (từ camera, cảm biến, thiết bị kết nối vạn vật) để thực hiện chức năng giám sát, phân tích, dự báo, mô phỏng, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định.

6. Các báo cáo điều hành, hệ thống chỉ số quản trị, bảng điều khiển, công cụ cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định của Thành phố được ưu tiên hình thành tự động từ dữ liệu trên Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng số.

7. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cập nhật, chia sẻ dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm bảo đảm vận hành thống nhất mô hình quản trị dựa trên dữ liệu của Thành phố.

8. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu được cung cấp từ Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng số của Thành phố.

9. Thành phố áp dụng Bộ chỉ số quản trị dữ liệu và chuyển đổi số thống nhất đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã.

10. Bộ chỉ số bao gồm các nhóm chỉ tiêu chủ yếu:

- a) Chất lượng dữ liệu;
- b) Mức độ chia sẻ dữ liệu;
- c) Mức độ khai thác dữ liệu;
- d) Mức độ sử dụng dịch vụ số;
- đ) Mức độ tự động hóa quy trình;
- e) Mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo;
- g) Hiệu quả điều hành dựa trên dữ liệu.

11. Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và được công khai trên hệ thống điều hành số của Thành phố.

12. Thành phố từng bước áp dụng phương thức quản trị ngân sách và phân bổ nguồn lực dựa trên dữ liệu, kết quả đầu ra và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Việc phân bổ nguồn lực được xem xét trên cơ sở:

- a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- b) Chỉ số hiệu quả quản trị;
- c) Chỉ số khai thác và chia sẻ dữ liệu;
- d) Chỉ số chuyển đổi số;
- đ) Chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp;
- e) Hiệu quả sử dụng ngân sách.

13. Các chỉ tiêu đánh giá được cập nhật trên nền tảng quản trị số của Thành phố và được sử dụng làm căn cứ tham khảo trong quá trình lập kế hoạch, phân bổ và điều chỉnh nguồn lực.

14. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu UBND Thành phố ban hành hướng dẫn chi tiết Bộ chỉ số quản trị dữ liệu và chuyển đổi số trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, bao gồm: giá trị mục tiêu cho từng chỉ tiêu theo từng năm; phương pháp thu thập, đo lường và xác minh số liệu; thang điểm và trọng số từng nhóm chỉ tiêu; quy trình và lịch đánh giá định kỳ (tối thiểu 02 lần/năm); cách thức công bố kết quả và cơ chế cảnh báo, xử lý khi chỉ số không đạt ngưỡng yêu cầu.

Điều 8. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố

1. Thành phố thực hiện quản trị dữ liệu thống nhất nhằm bảo đảm dữ liệu được quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới sáng tạo.

2. Thành phố áp dụng nguyên tắc “Một nguồn dữ liệu chính thức” trong hoạt động quản lý nhà nước.

3. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố là đầu mối tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu chính thức phục vụ:

- a) Chỉ đạo điều hành;
- b) Thống kê, báo cáo;
- c) Giám sát, đánh giá;
- d) Hoạch định chính sách;
- đ) Cung cấp dịch vụ công.

4. Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố là nguồn dữ liệu chính thức được quản lý theo các nguyên tắc:

- a) Dữ liệu được tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần;
- b) Dữ liệu là tài sản số của Thành phố;
- c) Dữ liệu được quản lý tập trung, khai thác phân tán theo thẩm quyền;
- d) Bảo đảm chất lượng dữ liệu;
- e) Bảo đảm khả năng chia sẻ, kết nối và tái sử dụng dữ liệu.

5. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và nền tảng số của các cơ quan nhà nước phải kết nối, đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung Thành phố theo quy định.

6. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

7. Các nền tảng số của Thành phố phải cung cấp khả năng tổng hợp, phân tích, trực quan hóa dữ liệu, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được theo dõi, giám sát và đánh giá trên cơ sở dữ liệu được cập nhật trên các nền tảng số và Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

9. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bảo đảm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời lên Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số theo quy định.

Điều 9. Quản trị thông qua Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố (IOC)

1. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố là nền tảng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tập trung, liên thông, trực tuyến trên cơ sở khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và các nguồn dữ liệu hợp pháp được phép kết nối theo quy định.

2. Cơ quan được giao quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố có trách nhiệm tổ chức khai thác, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông qua Kho dữ liệu dùng chung Thành phố; kết nối, khai thác dữ liệu thời gian thực từ các hệ thống giám sát, cảm biến, thiết bị kết nối vạn vật (IoT) và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực, xử lý tình huống khẩn cấp hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cơ quan được giao quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cấu hình, phân quyền, cung cấp thông tin điều hành trên nền tảng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nhu cầu khai thác của từng cấp lãnh đạo, từng vị trí việc làm và từng lĩnh vực chuyên môn.

4. Việc quản lý, vận hành, khai thác Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố phải bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện phân quyền truy cập, ghi nhật ký khai thác, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 10. Hệ điều hành quản trị số Thành phố

1. Hệ điều hành quản trị số Thành phố là nền tảng thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã.

2. UBND Thành phố xây dựng và vận hành Hệ điều hành quản trị số thống nhất của Thành phố làm nền tảng điều hành, quản trị, giám sát và đánh giá hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố.

3. Hệ điều hành quản trị số Thành phố thực hiện các chức năng chủ yếu sau:

- a) Quản lý, theo dõi, giám sát nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án;
- b) Quản lý mục tiêu, kết quả đầu ra, chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động;
- c) Quản lý dữ liệu điều hành và dữ liệu quản trị;
- d) Điều hành, giám sát, cảnh báo tiến độ theo thời gian thực;
- đ) Tích hợp trợ lý trí tuệ nhân tạo phục vụ lãnh đạo, quản lý;
- e) Kết nối với Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, Bản sao số đô thị và các nền tảng số của Thành phố;
- g) Hỗ trợ phân tích, dự báo, mô phỏng và đề xuất quyết định quản lý.

4. Thành phố tổ chức giám sát, cảnh báo và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành theo dữ liệu thời gian thực đối với các lĩnh vực trọng yếu gồm:

- a) Giải quyết thủ tục hành chính;
- b) Quản lý đầu tư công;
- c) Giải ngân vốn đầu tư công;
- d) Giao thông đô thị;
- đ) Môi trường;
- e) Y tế;
- g) Giáo dục;
- h) An toàn thực phẩm;
- i) Phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp;
- k) Các lĩnh vực khác theo quyết định của UBND Thành phố.

5. Hệ điều hành quản trị số của Thành phố thực hiện tự động phát hiện, cảnh báo các chỉ số vượt ngưỡng rủi ro, chậm tiến độ hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

6. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức xử lý các cảnh báo được phát hiện trên hệ thống.

7. Dữ liệu cập nhật trên Hệ điều hành quản trị số Thành phố là căn cứ phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND Thành phố xây dựng và vận hành Hệ điều hành quản trị số thống nhất của Thành phố tích hợp trên Hệ thống Không gian làm việc số dùng chung của Thành phố.

Điều 11. Quản trị đô thị dựa trên Bản sao số đô thị (Digital Twin)

1. Bản sao số đô thị được hình thành trên cơ sở tích hợp dữ liệu không gian địa lý, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu thời gian thực và dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố nhằm tạo lập môi trường số phản ánh trạng thái vận hành của đô thị theo thời gian thực.

2. Bản sao số đô thị được sử dụng để dự báo, mô phỏng, hỗ trợ quy hoạch; đánh giá tác động của các dự án đầu tư; quản lý hạ tầng kỹ thuật; quản lý giao thông; quản lý môi trường; hỗ trợ ra quyết định trong quản trị đô thị.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước về Nông nghiệp và môi trường; giao thông; xây dựng; quy hoạch; hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng văn hóa, kinh tế, xã hội, chịu trách nhiệm cung cấp các lớp dữ liệu không gian liên quan đến các đối tượng quản lý của mình phục vụ quản lý đô thị thống nhất.

4. Cơ quan chủ trì triển khai Bản sao số đô thị có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị trong các ngành, lĩnh vực chuẩn hóa; cập nhật thường xuyên dữ liệu phục vụ liên thông giữa các ngành; chia sẻ thống nhất trong toàn Thành phố.

Điều 12. Quản lý dịch vụ công dựa trên dữ liệu số

1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phải khai thác dữ liệu từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật để tự động điền thông tin, kiểm tra, đối chiếu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Chuyển đổi từ quy trình kiểm tra hồ sơ giấy sang xác thực thông tin tự động thông qua kết nối, tích hợp với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Thông tin của tổ chức, cá nhân đã có trong cơ sở dữ liệu nhà nước và đã được xác thực hợp pháp đủ điều kiện khai thác, tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ đã có, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Triển khai xác thực điện tử; chữ ký số; xác thực đa yếu tố; định danh số trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ số.

5. Dựa trên phân tích dữ liệu cá nhân để cung cấp dịch vụ công chủ động phải có sự đồng ý rõ ràng của chủ thể dữ liệu; chủ thể được rút lại sự đồng ý; quá trình xử lý phải được lưu vết theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và chính quyền chủ động thông báo và hướng dẫn người dân thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khi đến hạn (như gia hạn giấy phép, lịch tiêm chủng, thủ tục an sinh xã hội...).

6. Cung cấp ứng dụng AI, trợ lý ảo thông minh để hướng dẫn dịch vụ hành chính công 24/7, cá nhân hóa thông tin theo nhu cầu của từng đối tượng.

7. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ do UBND Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho các cơ quan, đơn vị phải được quản lý, theo dõi, giám sát trên nền tảng số thống nhất của Thành phố.

8. Áp dụng phương pháp quản trị mục tiêu và kết quả theo mô hình OKR kết hợp hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI) trong hoạt động quản lý nhà nước. Mỗi nhiệm vụ phải được xác lập đầy đủ các thông tin tối thiểu sau:

- a) Mục tiêu, yêu cầu;
- b) Kết quả đầu ra;
- c) Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện;
- d) Thời hạn hoàn thành;
- đ) Cơ quan chủ trì;
- e) Cơ quan phối hợp;
- g) Người chịu trách nhiệm chính.

9. Dữ liệu cập nhật trên nền tảng số là căn cứ chính thức phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

10. Kết quả thực hiện OKR/KPI được cập nhật tự động trên hệ thống Không gian làm việc số của Thành phố và là căn cứ để: Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; đánh giá người đứng đầu; xét thi đua, khen thưởng; phân bổ nguồn lực và ngân sách và xem xét trách nhiệm quản lý.

Điều 13. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong quản lý nhà nước

1. Cơ quan nhà nước Thành phố được khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ phân tích dữ liệu trong quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Triển khai các giải pháp trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo thông minh để tự động hóa việc tương tác, truy xuất, khai thác và phân tích chuyên sâu thông tin từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tối ưu hóa thời gian tra cứu, rà soát văn bản quản lý hành chính, tự động tổng hợp số liệu lập báo cáo quản trị và cung cấp dữ liệu đầu vào để mô hình hóa, chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ.

3. Thành phố triển khai, khai thác theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao triển khai và vận hành nền tảng trợ lý trí tuệ nhân tạo dùng chung phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

4. Trợ lý trí tuệ nhân tạo được sử dụng để:

- a) Tra cứu văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Tổng hợp, phân tích dữ liệu;
- c) Hỗ trợ xây dựng báo cáo quản trị;
- d) Hỗ trợ phân tích chính sách;
- đ) Hỗ trợ quản lý nhiệm vụ;
- e) Các hoạt động chuyên môn khác theo quy định.

5. Mọi hoạt động khai thác dữ liệu thông qua hệ thống trí tuệ nhân tạo phải được ghi nhận ký, bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát và truy vết.

6. Kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra chỉ có giá trị tham khảo, hỗ trợ ra quyết định. Trách nhiệm quyết định cuối cùng thuộc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

7. Hệ thống trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý nhà nước phải bảo đảm tuân thủ Luật Trí tuệ nhân tạo.

8. Việc xây dựng, triển khai, khai thác hệ thống trí tuệ nhân tạo phải tuân thủ quy định về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đánh giá rủi ro, xác định mức độ tác động của hệ thống đối với hoạt động quản lý nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, an toàn dữ liệu, an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thiết lập cơ chế giám sát, giải trình và kiểm soát, xử lý rủi ro trước khi đưa vào sử dụng.

10. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND Thành phố ban hành hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Hướng dẫn phải xác định tiêu chí kiểm thử, đánh giá trước khi vận hành chính thức; yêu cầu về chất lượng dữ liệu, khả năng giải thích, kiểm chứng kết quả đầu ra; quy trình phát hiện, xử lý sai lệch thuật toán; yêu cầu ghi nhận ký, giám sát, truy vết; cơ chế tạm dừng, khắc phục hệ thống khi phát hiện rủi ro; phân loại nghiệp vụ, loại quyết định theo mức độ được trí tuệ nhân tạo hỗ trợ. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm có sự kiểm soát của con người, không thay thế thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền và không được sử dụng kết quả của hệ thống trí tuệ nhân tạo làm căn cứ duy nhất để ban hành quyết định hành chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 14. Quản trị, khai thác và cung cấp dữ liệu

1. Dữ liệu được cung cấp theo các hình thức:

- a) Chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước;
- b) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- c) Cung cấp dưới dạng dữ liệu mở;

d) Cung cấp thông qua các nền tảng số, giao diện lập trình ứng dụng (API) và các phương thức điện tử khác theo quy định.

2. Thành phố tổ chức công bố và cung cấp dữ liệu mở theo lộ trình phù hợp, bảo đảm minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

3. Cơ quan tạo lập dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu trong quá trình tạo lập, cập nhật dữ liệu, kịp thời chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu và giải trình khi phát hiện sai lệch.

4. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu trong quá trình chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng; kịp thời phối hợp cơ quan tạo lập dữ liệu chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu và giải trình khi phát hiện dữ liệu sai lệch. Trường hợp phát hiện việc chia sẻ dữ liệu không đúng thẩm quyền hoặc dữ liệu được khai thác, sử dụng không đúng mục đích, cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tạm dừng việc chia sẻ, khai thác dữ liệu, xác định nguyên nhân, khắc phục hậu quả và xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chính quyền chủ động phục vụ người dân và doanh nghiệp

1. Cơ quan nhà nước được sử dụng dữ liệu hợp pháp để chủ động cung cấp thông tin, hỗ trợ và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp dịch vụ công chủ động được thực hiện đối với các trường hợp:

- a) Gia hạn giấy phép;
- b) Nghĩa vụ tài chính;
- c) Chính sách an sinh xã hội;
- d) Hỗ trợ doanh nghiệp;
- đ) Các dịch vụ công thiết yếu khác.

Điều 16. Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu số

1. Dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, nền tảng số và hạ tầng dữ liệu của Thành phố phải được áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

2. Các hệ thống thông tin phải được xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin, triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo cấp độ và được kiểm tra, đánh giá định kỳ.

3. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- b) Bảo vệ bí mật nhà nước;
- c) Kiểm soát truy cập và phân quyền khai thác dữ liệu;
- d) Khả năng giám sát, ghi nhật ký và truy vết hoạt động khai thác dữ liệu.

4. Thành phố triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng để giám sát an toàn hệ thống thông tin; phát hiện, cảnh báo sớm nguy cơ tấn công mạng; ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác dữ liệu có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO, TIẾP NHẬN VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 17. Các loại dữ liệu chia sẻ, khai thác, sử dụng

Các loại dữ liệu chia sẻ, khai thác sử dụng bao gồm:

- a) Dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu thành phố Hà Nội được UBND Thành phố ban hành và định kỳ bổ sung, cập nhật.
- b) Dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu mở thành phố Hà Nội được UBND Thành phố ban hành và định kỳ bổ sung, cập nhật.
- c) Dữ liệu của các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố; UBND các xã, phường khi có nhu cầu khai thác, sử dụng.
- d) Dữ liệu khác được các Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp nhà nước triển khai tại các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan nhà nước khác trên địa bàn Thành phố.

Điều 18. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành để các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố khai thác sử dụng thông qua hệ thống LGSP và hình thành kho dữ liệu chia sẻ của Thành phố.

2. Trước khi chuyển giao, cơ quan chủ quản dữ liệu phải cung cấp đặc tả dữ liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với cơ quan, đơn vị khi có thay đổi, điều chỉnh về tổ chức (đổi tên, tách, nhập, giải thể) thì gửi văn bản đề nghị cấp mới, điều chỉnh hoặc bổ sung tài khoản về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, xử lý theo quy định.

4. Quản lý và tổ chức dữ liệu mở của Thành phố:

a) Cơ quan chủ quản dữ liệu chia sẻ dữ liệu mở trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, đồng thời phối hợp với đơn vị vận hành Cổng dữ liệu Thành phố chia sẻ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu Thành phố.

b) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất và được lưu trữ, cung cấp đầy đủ theo thời gian trên Cổng dữ liệu Thành phố.

c) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng.

d) Dữ liệu mở phải bảo đảm khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được.

5. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan tạo lập dữ liệu tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu của Thành phố.

6. Khi có dữ liệu phát sinh mới, cơ quan chủ quản dữ liệu chủ động thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành cập nhật vào dữ liệu chia sẻ, sử dụng chung của Thành phố.

Điều 19. Quy định về khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập, sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở.

2. Các cơ quan nhà nước có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố để phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.

3. Khi có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung và dữ liệu đặc thù, chuyên ngành khác, cơ quan nhà nước gửi yêu cầu sử dụng dữ liệu đến Cơ quan chủ quản dữ liệu và Sở Khoa học và Công nghệ. Cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì rà soát yêu cầu bảo đảm việc chia sẻ dữ liệu theo quy định, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chia sẻ dữ liệu trên hệ thống và thông báo cho Cơ quan gửi yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu (tùy điều kiện thực tế, việc gửi yêu cầu có thể thực hiện trực tiếp trên hệ thống hoặc bằng văn bản).

4. Thành phố khuyến khích ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, học máy và các công nghệ số khác để nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu, hỗ trợ dự báo, cảnh báo và ra quyết định.

5. Theo đề nghị của Cơ quan chủ quản dữ liệu, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công tác phối hợp để quyết định nội dung và tần suất chia sẻ dữ liệu (một lần, định kỳ hoặc chia sẻ theo thời gian thực) cho phù hợp.

6. Các cơ quan nhà nước khi khai thác, sử dụng dữ liệu được chia sẻ để báo cáo, có trách nhiệm ghi rõ nguồn, mốc thời gian khai thác, thời điểm cập nhật dữ liệu để bảo đảm độ tin cậy và quyền sở hữu trí tuệ.

Chương IV

CƠ CHẾ CHIA SẺ DỮ LIỆU CÔNG - TƯ THEO HỢP ĐỒNG KHAİ THÁC DỮ LIỆU

Điều 20. Phạm vi dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng

1. Dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng là dữ liệu do cơ quan nhà nước của Thành phố quản lý, có khả năng phục vụ phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, quản trị đô thị, cung cấp dịch vụ số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước.

2. Dữ liệu được xem xét chia sẻ, khai thác theo hợp đồng bao gồm:

a) Dữ liệu được xác định rõ cơ quan quản lý, cơ quan cung cấp, phạm vi dữ liệu, mức độ sẵn sàng kỹ thuật và mục đích khai thác.

b) Dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý để bảo đảm không làm lộ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu hạn chế tiếp cận hoặc thông tin khác được pháp luật bảo vệ.

c) Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu mở được cơ quan nhà nước cung cấp miễn phí trên Cổng dữ liệu của Thành phố, Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 21. Nguyên tắc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng

1. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi dữ liệu, đúng đối tượng, đúng thời hạn, đúng phương thức khai thác và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối với dữ liệu chuyên ngành, việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hợp đồng phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định dạng dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, công bố hoặc hướng dẫn áp dụng.

3. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không làm thất thoát, lãng phí tài sản công, tài nguyên dữ liệu và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.

4. Dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng chỉ được sử dụng trong phạm vi cần thiết để thực hiện mục đích đã được xác định trong hợp đồng; không được sử dụng dữ liệu ngoài phạm vi, mục đích, thời hạn và phương thức đã được thỏa thuận, trừ trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

5. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu phải gắn với trách nhiệm giải trình của các bên tham gia; mọi hoạt động truy cập, xử lý, phân tích, tích hợp, chia sẻ hoặc tạo lập sản phẩm từ dữ liệu phải có khả năng ghi nhận, truy vết, kiểm tra và đánh giá.

6. Không sử dụng cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu để chuyển giao quyền quản lý dữ liệu gốc, hợp thức hóa việc cung cấp dữ liệu trái phép, độc quyền hóa nguồn dữ liệu công hoặc tạo lợi thế cạnh tranh không công bằng cho một tổ chức, doanh nghiệp.

Điều 22. Thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư

1. Thành phố thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư giữa cơ quan nhà nước được giao quản lý dữ liệu với tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng điều kiện tham gia khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật. Việc thí điểm được thực hiện trên cơ sở hợp đồng khai thác dữ liệu và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức thí điểm hợp tác bao gồm:

a) Khai thác dữ liệu mở đã được cơ quan nhà nước công bố theo quy định của pháp luật để phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ số, đổi mới sáng tạo và lợi ích cộng đồng;

b) Cung cấp quyền truy cập có kiểm soát đối với dữ liệu được phép khai thác để tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sản phẩm, dịch vụ số, công cụ phân tích, nền tảng, mô hình khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng hoặc giải pháp kỹ thuật phục vụ hoạt động chuyên môn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Việc khai thác dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống, nếu có, không được coi là lợi ích đối ứng đương nhiên từ việc cung cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng hoặc giải pháp kỹ thuật; chỉ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng hoặc nội dung hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đối với dữ liệu được phép khai thác;

d) Hợp tác nghiên cứu, thử nghiệm, đồng nghiên cứu, đồng phát triển sản phẩm dữ liệu, dữ liệu dẫn xuất, báo cáo phân tích, bản đồ số, mô hình phân tích,

mô hình dự báo, mô hình trí tuệ nhân tạo, bản sao số đô thị, nền tảng số, tiện ích số hoặc giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ Thành phố, người dân và doanh nghiệp;

đ) Hình thức hợp tác khác phù hợp với mục đích khai thác dữ liệu, yêu cầu phát triển sản phẩm dữ liệu, khả năng kiểm soát rủi ro và quy định của pháp luật.

3. Việc thí điểm hợp tác chỉ được thực hiện đối với dữ liệu hợp pháp, dữ liệu được phép khai thác, dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã được ẩn danh hóa. Không khai thác dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân chưa đáp ứng điều kiện xử lý, dữ liệu hạn chế tiếp cận, bí mật kinh doanh, dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Hợp đồng khai thác dữ liệu phải xác định rõ chủ thể tham gia; dữ liệu được khai thác; mục đích, phạm vi, phương thức, thời hạn, điều kiện khai thác; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên; quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng, quyền khai thác đối với sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, mô hình, dữ liệu dẫn xuất hoặc kết quả khác hình thành từ quá trình hợp tác; cơ chế phân chia lợi ích, nếu có; yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước; cơ chế kiểm tra, giám sát, báo cáo, tạm dừng, chấm dứt, thu hồi quyền khai thác dữ liệu và xử lý vi phạm.

5. Việc thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư phải được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, đề án hoặc phương án thí điểm được cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ, đề án hoặc phương án thí điểm phải xác định rõ chủ thể tham gia; loại dữ liệu được khai thác; mục tiêu, phạm vi, thời hạn, phương thức khai thác; nội dung chủ yếu của hợp đồng; tiêu chí đánh giá kết quả; cơ chế giám sát, báo cáo; phương án xử lý rủi ro, tạm dừng, chấm dứt, thu hồi quyền khai thác dữ liệu và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ khai thác dữ liệu

1. Trường hợp dữ liệu của Thành phố được sử dụng để tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc giá trị kinh tế, các bên tham gia được thỏa thuận cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Giá trị chia sẻ có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- a) Chia sẻ doanh thu;
- b) Chia sẻ sản phẩm;
- c) Chia sẻ quyền sử dụng công nghệ;
- d) Chia sẻ kết quả nghiên cứu;
- đ) Hình thức khác theo hợp đồng.

3. Việc xác định giá trị dữ liệu, giá trị khai thác và tỷ lệ phân chia lợi ích phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và không làm thất thoát tài sản công.

4. Nguồn thu từ khai thác dữ liệu được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; Thành phố ưu tiên bố trí nguồn lực để tái đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Điều 24. Danh mục dữ liệu có giá trị khai thác

1. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu có giá trị khai thác phục vụ phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị đô thị.

2. Danh mục dữ liệu có giá trị khai thác bao gồm:

- a) Dữ liệu giao thông, vận tải;
- b) Dữ liệu quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- c) Dữ liệu đất đai, nhà ở, bất động sản theo phạm vi được phép khai thác;
- d) Dữ liệu tài nguyên, môi trường, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai;
- đ) Dữ liệu du lịch, văn hóa, thể thao, sự kiện;
- e) Dữ liệu thương mại, dịch vụ, logistics, thị trường;
- g) Dữ liệu năng lượng, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước và các dịch vụ hạ tầng đô thị;
- h) Dữ liệu doanh nghiệp, đầu tư, công nghiệp, sản xuất, chuỗi cung ứng;
- i) Dữ liệu nông nghiệp, tài nguyên nước, thủy lợi;
- k) Dữ liệu y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội ở dạng tổng hợp, thống kê, ẩn danh hóa hoặc hình thức khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật;
- l) Dữ liệu tài chính, ngân sách, giá cả, mua sắm công, đầu tư công theo phạm vi được phép công khai, chia sẻ, khai thác;
- m) Dữ liệu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
- n) Dữ liệu phản ánh, kiến nghị, mức độ hài lòng, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp;
- o) Dữ liệu không gian địa lý, bản đồ số, viễn thám và dữ liệu phục vụ bản sao số đô thị;
- p) Các loại dữ liệu khác theo quyết định của UBND Thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc đưa dữ liệu vào danh mục dữ liệu có giá trị khai thác phải căn cứ vào kết quả phân loại dữ liệu, mục đích khai thác, phạm vi chia sẻ, khả năng kiểm soát

rủi ro và quy định của pháp luật. Các loại dữ liệu không được khai thác, chia sẻ, thương mại hóa thực hiện theo giới hạn quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

Điều 25. Thử nghiệm mô hình kinh tế dữ liệu và đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu

1. Thành phố khuyến khích nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với mô hình khai thác giá trị dữ liệu, sản phẩm dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và giải pháp đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu sử dụng trong thử nghiệm phải là dữ liệu hợp pháp, dữ liệu được phép khai thác; không sử dụng dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân chưa đáp ứng điều kiện xử lý, dữ liệu hạn chế tiếp cận, bí mật kinh doanh hoặc dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Việc thử nghiệm được thực hiện trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan, người được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật; phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, thời hạn, chủ thể tham gia, loại dữ liệu được sử dụng, tiêu chí đánh giá, cơ chế giám sát, phương án xử lý rủi ro và trách nhiệm của các bên liên quan.

4. Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thử nghiệm và triển khai thử nghiệm đối với hệ thống số, nền tảng số, dịch vụ số chưa sẵn có trên thị trường và dự án chưa có tiền lệ theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

Điều 26. Đặt hàng doanh nghiệp làm giàu dữ liệu

1. Thành phố được đặt hàng doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện chuẩn hóa, làm giàu, phân tích, mô hình hóa và phát triển dữ liệu phục vụ quản trị đô thị.

2. Việc đặt hàng, thanh toán, nghiệm thu thực hiện theo kết quả đầu ra, giá trị dữ liệu gia tăng hoặc hiệu quả khai thác thực tế và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Kết quả dữ liệu hình thành thuộc tài sản số của Thành phố; đơn vị thực hiện chỉ được khai thác thương mại trong phạm vi hợp đồng, theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước và đối tác khai thác dữ liệu

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu UBND Thành phố tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện.
2. Cơ quan quản lý dữ liệu, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm rà soát dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; xác định điều kiện chia sẻ, khai thác; thiết lập phương thức cung cấp, kiểm soát truy cập, ghi nhận nhật ký; phối hợp kiểm tra, giám sát và xử lý sự cố phát sinh.
3. Đối tác khai thác dữ liệu có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thời hạn, đúng phương thức đã được xác định trong hợp đồng; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Đối tác khai thác dữ liệu phải thực hiện chế độ báo cáo, giải trình, cung cấp nhật ký khai thác dữ liệu, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu đánh giá rủi ro và tài liệu liên quan khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; đồng thời chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ, dữ liệu dẫn xuất, mô hình phân tích hoặc kết quả khác hình thành từ dữ liệu được khai thác.

Điều 28. Bảo đảm an toàn dữ liệu, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Các hệ thống thông tin tham gia kết nối chia sẻ dữ liệu phải được áp dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.
2. Các cơ quan, đơn vị tham gia chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên, bảo đảm tuân thủ về mục đích sử dụng, phạm vi khai thác, phương thức truy cập, việc chia sẻ lại dữ liệu, sản phẩm hình thành từ dữ liệu, nghĩa vụ chia sẻ lợi ích và việc bảo đảm an toàn dữ liệu và các nội dung khác theo hợp đồng đã ký kết.
3. Trường hợp sử dụng trí tuệ nhân tạo, mô hình phân tích dữ liệu hoặc hệ thống tự động hỗ trợ ra quyết định, đối tác khai thác dữ liệu phải có biện pháp kiểm soát sai lệch, tái nhận diện dữ liệu cá nhân, lộ lọt dữ liệu và phải giải trình được phương thức sử dụng dữ liệu, dữ liệu đầu vào, kết quả đầu ra khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
4. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và an toàn, an ninh mạng trong toàn bộ quá trình thực hiện.
5. Khi phát hiện dấu hiệu khai thác dữ liệu sai mục đích, vượt phạm vi hợp đồng, chia sẻ dữ liệu trái phép, mất an toàn dữ liệu hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, thì các cơ quan đơn vị tham gia hợp đồng phải dừng ngay hoạt động chia sẻ, khai thác dữ liệu và thực hiện các biện pháp khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm là căn cứ để xem xét tiếp tục thực hiện, điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt hợp đồng hoặc không cho phép đối tác tiếp tục tham gia cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu.

Điều 29. Sàn giao dịch dữ liệu thành phố Hà Nội

1. Thành phố nghiên cứu, đề xuất thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền. Việc thí điểm chỉ thực hiện đối với dữ liệu hợp pháp, dữ liệu được phép khai thác, dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã được ẩn danh hóa; tuân thủ giới hạn về loại dữ liệu quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

2. Việc thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu thành phố Hà Nội phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Môi trường thử nghiệm được thiết kế, vận hành tách biệt về vật lý hoặc logic với hệ thống vận hành chính thức và các hệ thống thông tin có liên quan; bảo đảm sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng hoặc rủi ro về dữ liệu trong môi trường thử nghiệm không ảnh hưởng đến hệ thống khác;

b) Dữ liệu đưa vào môi trường thử nghiệm chỉ được lưu trữ, xử lý trong phạm vi hạ tầng kỹ thuật được phê duyệt. Bên tham gia thử nghiệm chỉ được xử lý dữ liệu theo phạm vi, mục đích, phương thức, thời hạn và điều kiện được xác định trong đề án thí điểm, hợp đồng hoặc thỏa thuận khai thác dữ liệu; không được tải về, sao chép, trích xuất dữ liệu gốc ra khỏi môi trường thử nghiệm, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Đơn vị quản lý, vận hành sàn dữ liệu có trách nhiệm áp dụng biện pháp kỹ thuật để kiểm soát luồng dữ liệu, phân quyền truy cập, ghi nhật ký, truy vết, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi truy cập, sao chép, trích xuất, chia sẻ, sử dụng dữ liệu trái phép.

3. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án thí điểm Sàn giao dịch dữ liệu thành phố Hà Nội, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Đề án phải xác định rõ mô hình tổ chức, cơ chế vận hành, đơn vị chủ trì thực hiện, nguồn kinh phí, phạm vi dữ liệu thí điểm, chủ thể tham gia, tiêu chí đánh giá hiệu quả, cơ chế kiểm soát rủi ro và điều kiện tiếp tục triển khai, điều chỉnh, mở rộng hoặc chấm dứt thí điểm.

Điều 30. Cơ chế chia sẻ dữ liệu phục vụ lợi ích công cộng

1. Cơ quan nhà nước Thành phố được xem xét đề nghị các doanh nghiệp, tổ chức đang quản lý dữ liệu có giá trị phục vụ lợi ích công cộng thực hiện chia sẻ dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh hóa theo quy định pháp luật.

2. Dữ liệu được ưu tiên chia sẻ phục vụ:

- a) Điều hành giao thông;
- b) Quản lý môi trường;
- c) Phòng, chống thiên tai;
- d) Quản lý an toàn thực phẩm;
- đ) Phát triển du lịch;
- e) Quản lý đô thị thông minh;
- g) Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

3. Việc chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều này phải bảo đảm không làm lộ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, bí mật nhà nước và các thông tin thuộc danh mục hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Đánh giá, phân loại giá trị khai thác dữ liệu

1. Thành phố nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại giá trị khai thác dữ liệu làm cơ sở quản lý, chia sẻ, khai thác, phát triển sản phẩm dữ liệu và xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá giá trị khai thác dữ liệu được xem xét trên cơ sở các yếu tố sau đây:

- a) Mức độ đầy đủ, chính xác, tin cậy và chất lượng dữ liệu;
- b) Tần suất cập nhật, khả năng duy trì, làm giàu và tái sử dụng dữ liệu;
- c) Phạm vi, mục đích, thời hạn và điều kiện khai thác dữ liệu;
- d) Giá trị phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và lợi ích công cộng;
- đ) Chi phí tạo lập, thu thập, chuẩn hóa, duy trì, bảo vệ, làm giàu và quản lý dữ liệu;
- e) Mức độ rủi ro về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Việc xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu, cơ chế chia sẻ lợi ích và các hình thức hợp tác khác liên quan đến dữ liệu phải thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định giá, cơ chế quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

4. Việc đánh giá, xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu không áp dụng đối với các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

Điều 32. Tổ chức trung gian dữ liệu và cơ chế ủy thác dữ liệu

1. Thành phố khuyến khích hình thành các tổ chức trung gian dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện:

- a) Chuẩn hóa dữ liệu;
- b) Kiểm định dữ liệu;
- c) Định giá dữ liệu;
- d) Môi giới dữ liệu;
- đ) Quản lý, vận hành dữ liệu theo ủy quyền.

2. Tổ chức trung gian dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm tính độc lập, minh bạch, khách quan và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích áp dụng mô hình quản lý dữ liệu tin cậy nhằm nâng cao hiệu quả chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư.

Điều 33. Khai thác dữ liệu phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo

1. Thành phố khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học khai thác dữ liệu hợp pháp để phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo, mô hình dự báo, sản phẩm dữ liệu, dịch vụ số và giải pháp phục vụ quản trị đô thị, phát triển kinh tế - xã hội và lợi ích công cộng.

2. Việc khai thác dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện đối với dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu được phép chia sẻ, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu đã được ẩn danh hóa hoặc dữ liệu khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật. Không khai thác các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

3. Thành phố ưu tiên xây dựng, cung cấp môi trường dữ liệu thử nghiệm có kiểm soát phục vụ nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm công nghệ mới. Môi trường dữ liệu thử nghiệm phải bảo đảm phân quyền truy cập, ghi nhật ký khai thác, kiểm soát mục đích sử dụng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và cơ chế thu hồi, xóa, hủy dữ liệu sau khi kết thúc thử nghiệm.

Điều 34. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

1. Thành phố nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thí điểm có kiểm soát đối với sản phẩm dữ liệu, công nghệ bảo vệ dữ liệu, mô hình trí tuệ nhân tạo, mô hình phân tích, mô hình dự báo, dịch vụ hỗ trợ khai thác dữ liệu và các giải pháp đổi mới sáng tạo liên quan đến dữ liệu theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc thí điểm mô hình kinh doanh dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu hoặc các mô hình khai thác dữ liệu có tác động đến thị trường, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử, không làm phát sinh đặc quyền khai thác dữ liệu trái quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu sử dụng trong thử nghiệm phải là dữ liệu hợp pháp, dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu đã được ẩn danh hóa hoặc dữ liệu khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật. Không sử dụng các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

4. Đề án thử nghiệm phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, thời hạn, đối tượng tham gia, loại dữ liệu được sử dụng, phương thức xử lý dữ liệu, cơ chế giám sát, tiêu chí đánh giá, phương án xử lý rủi ro, trách nhiệm của các bên, cơ chế tạm dừng, chấm dứt thử nghiệm, thu hồi quyền truy cập, xóa hoặc hủy dữ liệu sau khi kết thúc thử nghiệm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND Thành phố xây dựng đề án thí điểm, cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá và xử lý rủi ro, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi tổ chức thực hiện.

Chương V

NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Phát triển nguồn nhân lực quản trị dữ liệu

1. Các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố phải bố trí đầu môi phụ trách dữ liệu và chuyển đổi số, tham mưu tổ chức triển khai quản trị dựa trên dữ liệu trong phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu, lãnh đạo các cấp, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm nâng cao năng lực khai thác dữ liệu, sử dụng các nền tảng số, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Thành phố tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về:

- a) Quản trị dữ liệu;
- b) Quản trị dựa trên dữ liệu;
- c) Phân tích dữ liệu và dữ liệu lớn;
- d) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo;
- đ) Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- e) An toàn thông tin mạng.

4. Hình thành mạng lưới cán bộ dữ liệu tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã nhằm hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dữ liệu.

Điều 36. Bảo đảm nguồn lực

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản trị dựa trên dữ liệu, xây dựng, phát triển, vận hành hạ tầng dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, các nền tảng số dùng chung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn dữ liệu được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành phố ưu tiên bố trí nguồn lực cho:

- a) Nguồn nhân lực;
- b) Xây dựng, phát triển và vận hành Kho dữ liệu dùng chung Thành phố;
- c) Chuẩn hóa, làm giàu và số hóa dữ liệu;
- d) Kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu;
- đ) Phát triển các nền tảng số phục vụ quản trị, điều hành;
- e) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và dữ liệu lớn;
- g) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

3. Khuyến khích hợp tác công tư, thuê dịch vụ số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin và huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển dữ liệu và nền tảng số.

Điều 37. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo về dữ liệu Thành phố

1. Chỉ đạo, điều phối triển khai mô hình quản trị dựa trên dữ liệu trên phạm vi toàn Thành phố.

2. Chỉ đạo việc xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung trên các nền tảng số của Thành phố.

3. Chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên ngành liên quan đến dữ liệu, nền tảng số và điều hành dựa trên dữ liệu.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện quản trị dựa trên dữ liệu của các cơ quan, đơn vị.

5. Định kỳ xem xét việc khai thác dữ liệu, các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành Thành phố.

Điều 38. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là cơ quan thường trực giúp UBND Thành phố và Ban Chỉ đạo về dữ liệu tổ chức triển khai phương thức quản trị dựa trên dữ liệu.

2. Chủ trì tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức hoặc giao đơn vị trực thuộc quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung Thành phố, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu Thành phố, hệ thống phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, Bản sao số đô thị (Digital Twin), hệ thống LGSP, Cổng dữ liệu Thành phố và các hệ thống liên quan phục vụ kết nối, vận hành thống nhất, quản trị dựa trên dữ liệu của Thành phố.

3. Chủ trì hướng dẫn quản trị dữ liệu, khai thác dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở và tổ chức giám sát việc thực hiện trên phạm vi toàn Thành phố. Triển khai, vận hành Cổng dữ liệu tập trung để công bố các bộ dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp khai thác và tổ chức khai thác, sử dụng theo quy định.

4. Thực hiện đánh giá chất lượng dữ liệu và mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ, ngành.

5. Chủ trì tổng hợp và tham mưu UBND Thành phố ban hành, cập nhật danh mục dữ liệu của Thành phố, danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

6. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước Thành phố; thực hiện đánh giá, rà soát, tiếp nhận và tổng hợp ý kiến phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để đề xuất các giải pháp nhằm đáp ứng các nhu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và ứng dụng các nền tảng số trên địa bàn Thành phố.

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với vai trò là cơ quan cung cấp dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu thường xuyên, kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ chia sẻ trên các nền tảng chia sẻ dữ liệu của Thành phố.

3. Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh thông tin (nếu có) về danh mục dữ liệu của Thành phố, danh mục dữ liệu mở của Thành phố qua Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chủ trì xác định nhu cầu kết nối, sử dụng dữ liệu với các cơ quan nhà nước có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi mình quản lý.

5. Định kỳ kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu theo quy định.

Điều 40. Trách nhiệm của cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ vào công tác quản lý hành chính nhà nước của cơ quan mình.

2. Tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh các quy định để đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính chuyên ngành trên cơ sở khai thác dữ liệu được chia sẻ.

3. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của dữ liệu được chia sẻ, tuyệt đối không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 41. Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng dữ liệu, việc chia sẻ dữ liệu và kết quả triển khai quản trị dựa trên dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu được cung cấp từ các nền tảng số của Thành phố.

3. Chịu trách nhiệm về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và chia sẻ theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm về việc triển khai ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 42. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định số 5278/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về UBND Thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 42;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam TP Hà Nội;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Ban KHCNMT-HĐND Thành phố;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và CDS;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng: ĐMPT, TH;
- Lưu: VT, ĐMPT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Đại Thắng